TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DSST
Ngày: 11-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

Ông **Lê Văn Bài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/TLST–DS ngày 09-5-2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST-DS, ngày 12-8-2024 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 27-8-2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Ch, xã Tân H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của bà Trương Thị H: Bà Trương Thị Thu V, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Duy Kh- thuộc đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, chi nhánh văn phòng luật sư Thanh L tại Cầu Kè (Có mặt);

***Bị đơn*:**

1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Nh, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá ở khóm A, phường B, thị xã Duyên H, tỉnh Trà Vinh;

2. Bà Lữ Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Nh, xã TH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết người bảo vệ quyền và lợi ích hợp hợp của nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B là vợ chồng, ông T là em ruột của bà H, do cần tiền nên ông T và bà B có nhờ bà H vay số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng. Do tin tưởng ông T nên bà H đã thế chấp thửa đất số 104, tờ bản đồ số 32 diện tích 59,1m^2, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại Ấp Ch, xã Tân H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 32, diện tích 286,9m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Ấp Ch, xã Tân H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-chi nhánh Trà Vinh-PGD Tiểu Cần vay với số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng cho ông T, bà B mượn, cụ thể từng lần bà H vay tiền như sau.

Lần 01: Ngày 11/5/2022, bà H ký hợp đồng tín dụng vay với số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, sau khi nhận tiền vốn vay bà H đưa cho ông T, bà B mượn, không có làm giấy tờ. Từ khi vay tiền bà B có đưa tiền cho bà H đóng lãi cho ngân hàng hàng tháng.

Lần 02: Do không có khả năng thanh toán nợ gốc cho ngân hàng nên bà H đã tự đáo hạn tiền vay tại ngân hàng vào ngày 11/4/2023, thời hạn vay 11 tháng, bà B có đưa tiền cho bà H đóng lãi cho ngân hàng đến tháng 9/2023, từ tháng 10/2023 trở về sau bà B không có đưa tiền cho bà H đóng lãi nữa và cũng không có trả lại tiền vốn vay cho bà H, cho nên bà H làm đơn khởi kiện ông T, bà B đến nay.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2024, bà B có trả trước cho bà H bằng 100.000.000 đồng, bà H đồng ý cấn trừ vào tiền vốn bà khởi kiện.

Bà Trương Thị H yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có trách nhiệm trả cho bà H tiền vốn vay còn nợ bằng 600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ 11/10/2023 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Bà Trương Thị Thu V thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu luật sư, bà Vân không trình bày thêm.

***Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lữ Thị B trình bày*:** Bà là vợ ông T, bà Trương Thị H là chị ruột ông T, bà thừa nhận ông T có nhờ bà H vay số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng ở ngân hàng cho ông T mượn, ông T có đưa tiền cho bà H đóng lãi cho ngân hàng. Tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2024, bà có trả trước cho bà H tiền vốn bằng 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 600.000.000 đồng bà đồng ý cùng ông T trả cho bà H, tiền lãi và lãi suất bà không tranh chấp đề nghị xem xét theo quy định.

***Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trương Văn T trình bày*:** Ông là em ruột bà Trương Thị H, ông không nhớ ngày chỉ nhớ trong tháng 5 năm 2022 ông có nhờ bà H vay số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng ở ngân hàng cho ông mượn, bà H có thế chấp các thửa đất của bà H cho ngân hàng, ông có đưa tiền cho bà H đóng lãi cho ngân hàng đến tháng 12 năm 2022, ông bị bắt nên không có đóng lãi tiếp, bà B có trả trước cho bà H bằng 100.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng ông đồng ý cùng bà B trả, về lãi suất ông đồng ý trả theo hợp đồng tín dụng của bà H vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện (Bản chính); hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 02/4/2022 (photo); hợp đồng tín dụng thẻ mẫu số 08/HĐTĐ (photo), phần xét duyệt xủ ngân hàng mẫu số 08/HĐTĐ, hợp đồng tín dụng thẻ mẫu số 04a/HĐTĐ; phần xét duyệt xủ ngân hàng mẫu số 04a/HĐTĐ; hợp đồng tín dụng thẻ mẫu số 04a/HĐTĐ; phần xét duyệt xủ ngân hàng mẫu số 04a/HĐTĐ; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2022/17319501/HĐBĐ; Biên bản giao nhận giấy tờ tài sản thế chấp; bản sao Giấy chứng nhận QSD thửa đất 104, 105 (photo); Bản tường về xuất xứ tài liệu thu âm; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo);

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B thừa nhận còn nợ lại bà Trương Thị H tiền vốn vay bằng 600.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn sau khi tóm tắt nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, buộc ông T, bà B cùng có trách nhiệm trả cho bà H tiền vốn vay còn nợ bằng 600.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 11/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng, lãi suất được tính 02 giai đoạn: Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 09/7/2024 số tiền vốn vay bằng 700.000.000 đồng, từ ngày 10/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền vốn vay bằng 600.000.000 đồng, để bà H trả nợ cho ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị H tổng cộng bằng 733.241.800 đồng (trong đó vốn vay bằng 600.000.000 đồng, tiền lãi bằng 133.241.800 đồng).

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] V*ề nội dung*: Trong quá trình giải quyết bà Trương Thị H với ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có lời khai thống nhất bà H có cho ông T và bà B vay số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng, đến ngày 09/7/2024 bà B với ông T có trả cho bà H bằng 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn bằng 600.000.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ buộc ông T, bà B trả cho bà H tiền vốn vay bằng 600.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của bà H: Bà H khởi kiện yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, quá trình giải quyết ông T thống nhất trả tiền lãi suất cho bà H theo hợp đồng tín dụng bà H ký vay tiền, bà B không có tranh chấp về lãi suất, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, về mức lãi suất bà H yêu cầu là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại khoản 1 Điều 468 quy định: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác, mặc dù số tiền vốn vay các bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng ông T, bà B thừa nhận trong thời gian vay có đưa tiền cho bà H đóng lãi tiền vay cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng bà H đã ký, cho nên mức lãi suất bà H yêu cầu là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau: (1) Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 09/7/2024 là 700.000.000 đồng x 1,66%tháng x 08 tháng 26 ngày bằng 103.029.800 đồng ; (2) Từ ngày 10/7/2024 đến ngày 11/9/2024 là 600.000.000 đồng x 1,66%tháng x 03 tháng 01 ngày bằng 30.212.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản lãi bằng 133.241.800 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Trương Thị H không phải chịu án phí.

[6] Xét thấy, đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị H tổng cộng bằng 733.241.800 đồng (trong đó vốn vay bằng 600.000.000 đồng, tiền lãi bằng 133.241.800 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu 33.329.672 đồng án phí.

Bà Trương Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 18.465.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0002877 ngày 19-4-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Trương Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm